

**UBND THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ**

**HỒ SƠ CÔNG BỐ
CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
LÀ CƠ SỞ THỰC HÀNH TRONG ĐÀO TẠO
KHÔI NGÀNH SỨC KHỎE**



Hà Tĩnh, tháng 03 năm 2025

Số: /BCB-TTYT

Tp. Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Hà Tĩnh.

Tên cơ sở công bố: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 293/SYT-GPHĐ do Sở Y
tế Hà Tĩnh cấp ngày 28/6/2024.

Địa chỉ: Số 456 đường Hải Thượng Lãn Ông - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Tiến Vũ

Điện thoại: 0919777515

Email: Tienvuht1@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của
Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức
khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với
các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo -
Phụ lục 1)

2. Trình độ đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo - Phụ lục 1)

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ):
(Danh mục mẫu kèm theo - Phụ lục 1)

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Danh mục mẫu
kèm theo - Phụ lục 2).

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc
ghế răng tại mỗi khoa phòng: (Danh mục mẫu kèm theo - Phụ lục 2)

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành:
(Danh mục mẫu kèm theo - Phụ lục 3).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công
bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, KHN.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Vũ

UBND THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TRUNG TÂM Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

T T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường / ghế răng tạ khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội	31	465	91	273		
2	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Ngoại	17	255	60	180		
3	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	CSSK người bệnh cấp cứu và HSTC	Dạy học TH	Khoa CC – HSTC & Chống độc	10	150	15	45		
4	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GD	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	90	36	108		
5	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	11	165	74	222		
6	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc SK người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	6	90	30	90		
7	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa RHM-M- TMH	26	390	37	111		
8	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Y học cổ truyền	Dạy học TH	Khoa YHCT&PHCN	11	165	75	225		

9	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực tế ngành	Dạy học TH	Các khoa LS						
10	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Các khoa LS	27	405				
11	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Nội	13	195	91	273		
12	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Ngoại	10	150	60	180		
13	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	90	36	108		
14	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc bà mẹ khi mang thai	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	90	36	108		
15	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	90	36	108		
16	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sau đẻ	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	90	36	108		
17	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	90	36	108		
18	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc phụ nữ mãn kinh	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	90	36	108		
19	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sơ sinh	Dạy học TH	Khoa Nhi	11	165	74	222		
20	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	11	165	74	222		
21	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	6	90	30	90		
22	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực tế ngành	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	90	36	108		
23	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Khoa Nội	16	240	91	273		
24	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Khoa Ngoại	17	255	60	180		
25	6720101	Cao	Y sĩ đa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học	Khoa Nội	22	330	91	273		

		đăng	khoa		TH							
26	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Khoa CC – HSTC & Chống độc	10	150	15	45		
27	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Khoa Ngoại	17	255	60	180		
28	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe sinh sản	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	3	45	36	108		
29	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	4	60	74	222		
30	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	4	60	30	90		
31	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Các khoa LS						
32	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Khoa Ngoại	17	255	60	180		
33	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Khoa CC – HSTC & Chống độc	10	150	15	45		
34	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Khoa Ngoại	17	255	60	180		
35	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe sinh sản	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	90	36	108		
36	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	11	165	74	222		
37	5720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Bệnh học Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	6	90	30	90		
38	6720101	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Các khoa LS						
39	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Ngoại	16	160	60	180		
40	7720301	Đại học	Điều dưỡng	CSSK người bệnh cấp cứu và HSTC	Dạy học TH	Khoa CC – HSTC & Chống độc	10	100	15	45		
41	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GD	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	6	60	36	108		
42	7720301	Đại học	Điều	Chăm sóc sức khỏe trẻ	Dạy học	Khoa Nhi	11	110	74	222		

			đưỡng	em	TH							
43	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc SK người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	6	60	30	90		
44	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa RHM-M-TMH	26	260	37	111		
45	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực tế ngành	Dạy học TH	Các khoa LS						
46	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Nội	10	100	91	273		
47	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Ngoại	6	60	60	180		
48	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa CC – HSTC & Chống độc	2	20	15	45		
49	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa CSSKSS & Phụ Sản	5	50	36	108		
50	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Nhi	3	30	74	222		
51	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	1	10	30	90		
52	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng	Dạy học TH	Khoa RHM-M-TMH	9	90	37	111		

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Vũ

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II

T T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000399/HT- CCHN, 1133/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	19	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
2	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000137/HT- CCHN, 1612/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	32	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
3	Võ Quốc Chung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	004765/HT- CCHN, 77/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
4	Dương Văn Vĩnh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0004429/HT- CCHN, 1485/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	11	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
5	Nguyễn Sơn Trà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	000416/HT- CCHN, 78/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	7	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

6	Vũ Đình Trung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	006050/HT- CCHN, 420/QĐ- SYT; 417/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ; Chuyên khoa Ngoại khoa	5	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
7	Cao Văn Tiến	Bác sĩ	Đa khoa	006043/HT- CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	5	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
8	Trần Văn Giáp	Bác sĩ	Đa khoa	007535/HT- CCHN	Y khoa	2	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
9	Phan Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001038/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
10	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	11	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
11	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004424/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
12	Nguyễn Thị Hong Chiêm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001003/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
13	Dương Văn Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	005994/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	6	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
14	Trần Hậu Thiệp	Cử nhân	Điều dưỡng	0003507/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
15	Nguyễn Thị Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004293/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

16	Trần Trung Kiên	Cử nhân	Điều dưỡng	004689/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
17	Trần Thị Quỳnh Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	004955/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Tiến Vũ	Thạc sĩ, Bác sĩ đa khoa	Đa khoa, Nội khoa	0001023/HT-CCHN, 1135/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	23	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội tổng hợp	91
2	Dương Chí Lực	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000313/HT-CCHN, 1613/QĐ-SYT, 477/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	16	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
3	Hồ Văn Khiêm	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000956/HT-CCHN, 1128/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	28	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
4	Nguyễn Thị Dung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004843/HT-CCHN, 76/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
5	Phạm Thị Hồng Thuần	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004754/HT-CCHN, 75/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	19	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
6	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000954/HT-CCHN, 1740/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	17	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
7	Nguyễn Hải Đăng	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội tim	005247/HT-CCHN, 359/QĐ-	KCB Nội tim mạch, đa khoa	8	CSSK người lớn bệnh Nội	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91

			mạch	SYT			khoa I, II			
8	Trịnh Thị Huyền	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	005244/HT- CCHN, 416/QĐ- SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	7	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
9	Phạm Thị Hà Trang	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	005670/HT- CCHN	KCB đa khoa	6	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
10	Thái Thị Phương Mai	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	006066/HT- CCHN	KCB đa khoa;	5	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
11	Lê Việt Hòa	Bác sĩ	Đa khoa	006883/HT- CCHN	KCB nội khoa;	3	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
12	Nguyễn Thị Nga	Bác sĩ	Đa khoa	007295/HT- CCHN	KCB đa khoa;	2	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
13	Trần Hồng Thẩm	Bác sĩ	Đa khoa	007536/HT- CCHN	KCB đa khoa;	2	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
14	Nguyễn Thị Mai	Bác sĩ	Đa khoa	007402/HT- CCHN	KCB nội khoa;	2	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
15	Nguyễn Thị Mai Sương	Cử nhân	Điều dưỡng	0004422/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
16	Nguyễn Thị Minh Tâm	Cử nhân	Điều dưỡng	004809/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
17	Trần Thị Hà Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	007044/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	3	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91

18	Bùi Thị Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0001034/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
19	Nguyễn Thị Thúy An	Cử nhân	Điều dưỡng	0001035/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
20	Lê Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001004/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
21	Nguyễn Thị Nhuận	Cử nhân	Điều dưỡng	0000884/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
22	Trương Thị Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	0000952/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
23	Dương Thị Nguyệt	Cử nhân	Điều dưỡng	0000892/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
24	Trịnh Thị Anh Tâm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001012/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
25	Nguyễn Thị Thủy	Cử nhân	Điều dưỡng	0002801/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	10	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
26	Võ Thị Bé	Cử nhân	Điều dưỡng	004544/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	3	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
27	Phan Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	004711/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
28	Đoàn Thị Hoài	Cử nhân	Điều	005144/HT-	Thực hiện	4	CSSK người	Dạy học	Khoa Nội	91

			dưỡng	CCHN	nhiệm vụ điều dưỡng ĐH		lớn bệnh Nội khoa I, II	thực hành	Tổng hợp	
29	Lê Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	005221/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	7	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
30	Mai Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	000478/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	7	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
31	Hà Thị Thúy	Cử nhân	Điều dưỡng	004729/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	5	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ Chăm sóc người bệnh cấp cứu và Hồi sức tích cực

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Viết Cường	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0000028/HT-CCHN, 1145/QĐ-SYT, 265/QĐ-SYT	KCB Đa khoa, Hồi sức cấp cứu	25	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
2	Lưu Văn Thìn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0001017/HT-CCHN, 264/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi; đa khoa; chuyên khoa hồi sức cấp cứu	23	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
3	Trần Văn Sử	Bác sĩ	Đa khoa	006483/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	4	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
4	Phạm Thanh Hội	Cử nhân	Điều dưỡng	0002191/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	18	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
5	Nguyễn Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0000878/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	20	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
6	Trần Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004423/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều	9	CSNB cấp cứu và	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC	15

					đưỡng ĐH		HSTC		& Chống độc	
7	Trần Thị Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	0004430/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
8	Trần Thị Hoài	Cử nhân	Điều dưỡng	0004464/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	8	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
9	Nguyễn Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	020254/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
10	Trần Thị Ngọc Hân	Cử nhân	Điều dưỡng	000530/HT-GPHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tô Hoa	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sân khoa	0001042/HT- CCHN, 1115/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	31	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKII	Đa khoa, Sân khoa	0001026/HT- CCHN, 1122/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	17	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
3	Trịnh Lê Vương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sân khoa	0003246/HT- CCHN, 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	Đa khoa, Sân khoa	0003247/HT- CCHN; 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	27	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
5	Phan Quang Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sân khoa	005232/HT- CCHN, 266/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	8	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
6	Nguyễn Ngọc Sơn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sân khoa	006085/HT- CCHN; 478/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK trẻ em

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0000880/HT-CCHN, 1116/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	20	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
2	Nguyễn Hồ Đức	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0002388/HT-CCHN, 1138/QĐ-SYT, 81/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi, chuyên khoa nội	22	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
3	Nguyễn Công Hiếu	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0003232/HT-CCHN; 1110/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	10	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
4	Nguyễn Thị Bình	Bác sỹ	Đa khoa	006048/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa;	5	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
5	Phan Thị An	Cử nhân	Điều dưỡng	0003234/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
6	Trần Thị Thanh Nhân	Cử nhân	Điều dưỡng	0003227/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
7	Dương Thị Cảnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003243/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

8	Trần Thị An	Cử nhân	Điều dưỡng	0000885/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
9	Trần Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	004538/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
10	Trương Thị Nhật	Cử nhân	Điều dưỡng	004962/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
11	Phạm Thị Mơ	Cử nhân	Điều dưỡng	004995/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người bệnh Truyền nhiễm

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Thân Hùng Cường	Bác sỹ CKI	Đa khoa, truyền nhiễm	000124/HT-CCHN, 360/QĐ-SYT	KCB đa khoa; truyền nhiễm	15	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
2	Bùi Thị Minh Hoan	Bác sỹ	Đa khoa, Nội khoa	0003244/HT-CCHN, 1133/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa;	31	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
3	Phan Thị Đào	Bác sỹ	Đa khoa	0001996/GL-CCHN	KCB đa khoa	9	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
4	Nguyễn Thị Thu Huệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0004466/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
5	Đoàn Thị Nhật Lệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001005/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	17	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
6	Nguyễn Thị Hồng	Cử nhân	Điều dưỡng	0003226/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người bệnh chuyên khoa

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Bùi Thị Hải Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	0000997/HT-CCHN, 1614/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng	17	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
2	Lê Văn Hà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	0003233/HT-CCHN, 1119/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng	10	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
3	Võ Thị Hương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	0001014/HT-CCHN, 1140/QĐ-SYT, 263/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	13	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
4	Nguyễn Thị Thu	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	006065/HT-CCHN, 369/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	5	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
5	Nguyễn Văn Đạo	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	006631/HT-CCHN, 364/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
6	Hồ Xuân Khánh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	006881/HT-CCHN, 20/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	3	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
7	Ngô Tuấn Anh	Bác sỹ	CK	0000876/HT-	KCB CK Răng	12	CSSK NB	Dạy học	Răng hàm mặt	37

		CKI RHM	RHM	CCHN	hàm mắt		chuyên khoa	thực hành	– Mắt – Tai mũi họng	
8	Lê Văn Dũng	Bác sỹ CKI RHM	Đa khoa, CK Răng hàm mắt	0004179/HT- CCHN, 552/QĐ- SYT	KCB CK Răng hàm mắt, đa khoa	10	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai mũi họng	37
9	Phạm Phú Hà	Bác sỹ CKI RHM	Đa khoa, CK Răng hàm mắt	005912/HT-CCHN, 1302/QĐ-SYT	KCB CK Răng hàm mắt, đa khoa	6	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai mũi họng	37
10	Trần Thị Khánh Liên	Bác sỹ RHM	CK Răng hàm mắt	006038/HT-CCHN	KCB CK Răng hàm mắt	5	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai mũi họng	37
11	Lê Thị Diễm Thúy	Bác sỹ RHM	CK Răng hàm mắt	006039/HT-CCHN	KCB CK Răng hàm mắt	5	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai mũi họng	37
12	Lê Thị Ngọc	Bác sỹ RHM	CK Răng hàm mắt	006444/HT-CCHN	KCB CK Răng hàm mắt	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai mũi họng	37
13	Trần Thị Thùy Vinh	Bác sỹ RHM	CK RHM	005233/HT-CCHN	KBCB chuyên khoa RHM	8	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai mũi họng	37
14	Trần Thị Thắm	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Mắt	0004428/HT- CCHN, 1120/QĐ- SYT	KCB CK Mắt, KCB đa khoa	10	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai mũi họng	37
15	Phạm Xuân Nam	Bác sỹ	Đa khoa	006381/HT-CCHN	KCB đa khoa	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai mũi họng	37
16	Nguyễn Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0000874/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai mũi họng	37
17	Phan Thị Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	0000953/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mắt – Mắt – Tai	37

					đưỡng ĐH				mũi họng	
18	Phan Thị Thắm	Cử nhân	Điều dưỡng	0000897/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
19	Bùi Thị Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001002/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
20	Nguyễn Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004492/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
21	Trần Thị Thanh Hoài	Cử nhân	Điều dưỡng	0000896/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
22	Trần Thị Ánh	Cử nhân	Điều dưỡng	004602/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
23	Trần Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	000031/HT-GPHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
24	Phan Thị Phụng	Cử nhân	Điều dưỡng	000225/HT-GPHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
25	Nguyễn Thị Diệu Linh	Cử nhân	Điều dưỡng	0000889/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
26	Trần Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	006565/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ Y học cổ truyền, PHCN

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Ngô Thị Thúy Diễm	Bác sĩ CKI	Y học cổ truyền	0001878/HT - CCHN	KCB chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa PHCN	30	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75
2	Nguyễn Công Phong	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	0003644/HT - CCHN	KCB chuyên khoa Y học cổ truyền	11	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75
3	Trần Thị Ngọc	Bác sĩ YHCT	Y học cổ truyền	000233/HT-CCHN	KCB chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa PHCN	7	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75
4	Nguyễn Thị Nhung	Bác sĩ YHCT	Y học cổ truyền	004893/HT-CCHN	KCB chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa PHCN	10	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75
5	Võ Xuân Hồng	Bác sĩ YHCT	Y học cổ truyền	0003646/HT -CCHN	KCB chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa PHCN	10	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75
6	Võ Thị Hạnh	Bác sĩ YHCT	Y học cổ truyền	004633/HT-CCHN	KCB chuyên khoa Y học cổ truyền;	9	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75

7	Phạm Hương Na	Bác sỹ YHCT	Y học cổ truyền	004895/HT- CCHN	KCB chuyên khoa Y học cổ truyền; chuyên khoa PHCN	8	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75
8	Nguyễn Thị Huế	Bác sỹ	Đa khoa	006457/HT- CCHN	KCB đa khoa	4	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75
9	Trần Thị Lý Thu	Cử nhân	Điều dưỡng	0001027/HT -CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	15	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75
10	Lê Thị Hải Duyên	Cử nhân	Điều dưỡng	0001055/HT -CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75
11	Đào Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004445/HT -CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	15	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	75

Phụ lục này có 18 trang, 8 biểu mẫu với tổng số 118 giảng viên dạy thực hành

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Vũ

Phụ lục 2 - Cao đẳng Hộ sinh
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Hộ sinh/ Điều dưỡng cơ sở

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Dương Chí Lực	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000313/HT-CCHN, 1613/QĐ-SYT, 477/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
2	Hồ Văn Khiêm	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000956/HT-CCHN, 1128/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	28	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
3	Nguyễn Thị Dung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004843/HT-CCHN, 76/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
4	Phạm Thị Hồng Thuần	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004754/HT-CCHN, 75/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	19	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
5	Nguyễn Hải Đăng	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội tim mạch	005247/HT-CCHN, 359/QĐ-SYT	KCB Nội tim mạch, đa khoa	8	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
6	Nguyễn Thị Mai Sương	Cử nhân	Điều dưỡng	0004422/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
7	Nguyễn Thị Thúy An	Cử nhân	Điều dưỡng	0001035/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
8	Lê Thị Thanh	Cử nhân	Điều	0001004/HT-	Thực hiện nhiệm vụ	12	Điều dưỡng	Dạy học	Khoa Nội	91

	Huyện		đưỡng	CCHN	vụ điều dưỡng ĐH		cơ sở	thực hành	Tổng hợp	
9	Nguyễn Thị Thủy	Cử nhân	Điều dưỡng	0002801/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	10	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
10	Thân Hùng Cường	Bác sỹ CKI	Đa khoa, truyền nhiễm	000124/HT-CCHN, 360/QĐ-SYT	KCB đa khoa; truyền nhiễm	15	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
11	Bùi Thị Minh Hoan	Bác sỹ	Đa khoa, Nội khoa	0003244/HT-CCHN, 1133/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa;	31	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
12	Nguyễn Thị Thu Huệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0004466/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
13	Đoàn Thị Nhật Lệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001005/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	17	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30

Phụ lục 2 - Cao đẳng Hộ sinh
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Hộ sinh/ Điều dưỡng cơ sở

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000399/HT- CCHN, 1133/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	19	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
2	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000137/HT- CCHN, 1612/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	32	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
3	Dương Văn Vịnh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0004429/HT- CCHN, 1485/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	11	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
4	Nguyễn Sơn Trà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	000416/HT- CCHN, 78/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	7	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
5	Phan Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001038/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

6	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	11	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
7	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004424/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
8	Nguyễn Thị Hồng Chiêm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001003/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
9	Dương Vân Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	005994/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	6	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
10	Trần Hậu Thiệp	Cử nhân	Điều dưỡng	0003507/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc CSSK phụ nữ, Hộ sinh nâng cao

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tố Hoa	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0001042/HT-CCHN, 1115/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	31	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKII	Đa khoa, Sản khoa	0001026/HT-CCHN, 1122/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	17	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
3	Trịnh Lê Vương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0003246/HT-CCHN, 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sĩ	Đa khoa, Sản khoa	0003247/HT-CCHN; 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	27	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
5	Phan Quang Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	005232/HT-CCHN, 266/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	8	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
6	Nguyễn Ngọc Sơn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	006085/HT-CCHN; 478/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ, sau đẻ

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tố Hoa	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0001042/HT-CCHN, 1115/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	31	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ, sau đẻ	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKII	Đa khoa, Sản khoa	0001026/HT-CCHN, 1122/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	17	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ, sau đẻ	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
3	Trịnh Lê Vương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0003246/HT-CCHN, 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	11	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ, sau đẻ	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sĩ	Đa khoa, Sản khoa	0003247/HT-CCHN; 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	27	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ, sau đẻ	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
5	Phan Quang Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	005232/HT-CCHN, 266/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	8	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ, sau đẻ	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
6	Nguyễn Ngọc Sơn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	006085/HT-CCHN; 478/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	5	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ, sau đẻ	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0000880/HT-CCHN, 1116/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	20	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
2	Nguyễn Hồ Đức	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0002388/HT-CCHN, 1138/QĐ-SYT, 81/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi, chuyên khoa nội	22	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
3	Nguyễn Công Hiếu	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0003232/HT-CCHN; 1110/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	10	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
4	Nguyễn Thị Bình	Bác sĩ	Đa khoa	006048/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa;	5	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
5	Phan Thị An	Cử nhân	Điều dưỡng	0003234/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
6	Trần Thị Thanh Nhân	Cử nhân	Điều dưỡng	0003227/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
7	Dương Thị Cảnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003243/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

8	Trần Thị An	Cử nhân	Điều dưỡng	0000885/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
9	Trần Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	004538/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
10	Trương Thị Nhật	Cử nhân	Điều dưỡng	004962/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
11	Phạm Thị Mơ	Cử nhân	Điều dưỡng	004995/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Hộ sinh/ Kiểm soát nhiễm khuẩn

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Thân Hùng Cường	Bác sỹ CKI	Đa khoa, truyền nhiễm	000124/HT-CCHN, 360/QĐ-SYT	KCB đa khoa; truyền nhiễm	15	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
2	Bùi Thị Minh Hoan	Bác sỹ	Đa khoa, Nội khoa	0003244/HT-CCHN, 1133/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa;	31	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
3	Phan Thị Đào	Bác sỹ	Đa khoa	0001996/GL-CCHN	KCB đa khoa	9	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
4	Nguyễn Thị Thu Huệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0004466/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
5	Đoàn Thị Nhật Lệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001005/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	17	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
6	Nguyễn Thị Hồng	Cử nhân	Điều dưỡng	0003226/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Hộ sinh/ Thực tế ngành

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tổ Hoa	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0001042/HT-CCHN, 1115/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	31	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & PS	36
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKII	Đa khoa, Sản khoa	0001026/HT-CCHN, 1122/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	17	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & PS	36
3	Trịnh Lê Vương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0003246/HT-CCHN, 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & PS	36
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	Đa khoa, Sản khoa	0003247/HT-CCHN; 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	27	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & PS	36
5	Phan Quang Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	005232/HT-CCHN, 266/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	8	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & PS	36
6	Nguyễn Ngọc Sơn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	006085/HT-CCHN; 478/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & PS	36

Phụ lục này có 10 trang, 7 biểu mẫu với tổng số 93 giảng viên dạy thực hành

Tp Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Vũ

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa / Điều dưỡng cơ sở

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000399/HT-CCHN, 1133/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	19	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
2	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000137/HT-CCHN, 1612/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	32	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
3	Võ Quốc Chung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	004765/HT-CCHN, 77/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
4	Dương Văn Vịnh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0004429/HT-CCHN, 1485/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	11	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
5	Nguyễn Sơn Trà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	000416/HT-CCHN, 78/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	7	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
6	Vũ Đình Trung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại	006050/HT-CCHN,	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên	5	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

			khoa	420/QĐ-SYT; 417/QĐ-SYT	khoa phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ; Chuyên khoa Ngoại khoa					
7	Cao Văn Tiến	Bác sĩ	Đa khoa	006043/HT- CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	5	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
8	Trần Văn Giáp	Bác sĩ	Đa khoa	007535/HT- CCHN	Y khoa	2	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
9	Phan Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001038/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
10	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	11	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
11	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004424/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
12	Nguyễn Thị Hồng Chiêm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001003/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
13	Dương Vân Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	005994/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
14	Trần Hậu Thiệp	Cử nhân	Điều dưỡng	0003507/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
15	Nguyễn Thị Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004293/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
16	Trần Trung Kiên	Cử nhân	Điều dưỡng	004689/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
17	Trần Thị Quỳnh Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	004955/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
18	Dương Chí Lực	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000313/HT- CCHN,	KCB Nội khoa, đa khoa	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91

				1613/QĐ-SYT, 477/QĐ-SYT						
19	Hồ Văn Khiêm	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000956/HT- CCHN, 1128/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	28	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
20	Nguyễn Thị Dung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004843/HT- CCHN, 76/QĐ- SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
21	Phạm Thị Hồng Thuần	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004754/HT- CCHN, 75/QĐ- SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	19	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
22	Nguyễn Hải Đăng	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội tim mạch	005247/HT- CCHN, 359/QĐ-SYT	KCB Nội tim mạch, đa khoa	8	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
23	Trịnh Thị Huyền	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	005244/HT- CCHN, 416/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	7	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
24	Phạm Thị Hà Trang	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	005670/HT- CCHN	KCB đa khoa	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
25	Thái Thị Phương Mai	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	006066/HT- CCHN	KCB đa khoa;	5	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
26	Nguyễn Thị Mai Sương	Cử nhân	Điều dưỡng	0004422/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
27	Nguyễn Thị Minh Tâm	Cử nhân	Điều dưỡng	004809/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
28	Trần Thị Hà Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	007044/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	3	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
29	Bùi Thị Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0001034/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
30	Nguyễn Thị Thúy An	Cử nhân	Điều dưỡng	0001035/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91

31	Lê Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001004/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
32	Lê Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	005221/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	7	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
33	Mai Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	000478/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	7	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa /Bệnh học Ngoại khoa

T T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000399/HT- CCHN, 1133/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	19	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
2	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000137/HT- CCHN, 1612/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	32	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
3	Võ Quốc Chung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	004765/HT- CCHN, 77/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
4	Dương Văn Vĩnh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0004429/HT- CCHN, 1485/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	11	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
5	Nguyễn Sơn Trà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	000416/HT- CCHN, 78/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	7	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
6	Vũ Đình Trung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	006050/HT- CCHN, 420/QĐ- SYT; 417/QĐ-	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ;	5	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

				SYT	Chuyên khoa Ngoại khoa					
7	Cao Văn Tiến	Bác sĩ	Đa khoa	006043/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	5	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
8	Trần Văn Giáp	Bác sĩ	Đa khoa	007535/HT-CCHN	Y khoa	2	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
9	Phan Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001038/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
10	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	11	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
11	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004424/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
12	Nguyễn Thị Hồng Chiêm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001003/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
13	Dương Văn Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	005994/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	6	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
14	Trần Hậu Thiệp	Cử nhân	Điều dưỡng	0003507/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
15	Nguyễn Thị Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004293/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
16	Trần Trung Kiên	Cử nhân	Điều dưỡng	004689/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
17	Trần Thị Quỳnh Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	004955/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa/ Bệnh học Nội khoa

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Tiến Vũ	Thạc sĩ, Bác sĩ đa khoa	Đa khoa, Nội khoa	0001023/HT-CCHN, 1135/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	23	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội tổng hợp	91
2	Dương Chí Lực	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000313/HT-CCHN, 1613/QĐ-SYT, 477/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	16	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
3	Hồ Văn Khiêm	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000956/HT-CCHN, 1128/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	28	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
4	Nguyễn Thị Dung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004843/HT-CCHN, 76/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	9	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
5	Phạm Thị Hồng Thuần	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004754/HT-CCHN, 75/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	19	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
6	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000954/HT-CCHN, 1740/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	17	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
7	Nguyễn Hải Đăng	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội tim mạch	005247/HT-CCHN, 359/QĐ-SYT	KCB Nội tim mạch, đa khoa	8	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91

8	Trịnh Thị Huyền	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	005244/HT-CCHN, 416/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	7	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
9	Phạm Thị Hà Trang	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	005670/HT-CCHN	KCB đa khoa	6	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
10	Thái Thị Phương Mai	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	006066/HT-CCHN	KCB đa khoa;	5	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
11	Lê Việt Hòa	Bác sĩ	Đa khoa	006883/HT-CCHN	KCB nội khoa;	3	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
12	Nguyễn Thị Nga	Bác sĩ	Đa khoa	007295/HT-CCHN	KCB đa khoa;	2	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
13	Trần Hồng Thẩm	Bác sĩ	Đa khoa	007536/HT-CCHN	KCB đa khoa;	2	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
14	Nguyễn Thị Mai	Bác sĩ	Đa khoa	007402/HT-CCHN	KCB nội khoa;	2	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
15	Nguyễn Thị Mai Sương	Cử nhân	Điều dưỡng	0004422/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
16	Nguyễn Thị Minh Tâm	Cử nhân	Điều dưỡng	004809/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
17	Trần Thị Hà Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	007044/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	3	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
18	Bùi Thị Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0001034/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
19	Nguyễn Thị Thúy An	Cử nhân	Điều dưỡng	0001035/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
20	Lê Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001004/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
21	Đoàn Thị Hoài	Cử nhân	Điều dưỡng	005144/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
22	Lê Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	005221/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	7	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa/ Bệnh học Nội khoa

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Viết Cường	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0000028/HT-CCHN, 1145/QĐ-SYT, 265/QĐ-SYT	KCB Đa khoa, Hồi sức cấp cứu	25	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
2	Lưu Văn Thìn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0001017/HT-CCHN, 264/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi; đa khoa; chuyên khoa hồi sức cấp cứu	23	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
3	Trần Văn Sử	Bác sĩ	Đa khoa	006483/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	4	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
4	Phạm Thanh Hội	Cử nhân	Điều dưỡng	0002191/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	18	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
5	Nguyễn Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0000878/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	20	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
6	Trần Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004423/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều	9	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC	15

					đưỡng ĐH				& Chống độc	
7	Trần Thị Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	0004430/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
8	Trần Thị Hoài	Cử nhân	Điều dưỡng	0004464/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	8	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
9	Nguyễn Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	020254/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
10	Trần Thị Ngọc Hân	Cử nhân	Điều dưỡng	000530/HT-GPHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa/ Sức khỏe sinh sản

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tô Hoa	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0001042/HT-CCHN, 1115/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	31	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKII	Đa khoa, Sản khoa	0001026/HT-CCHN, 1122/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	17	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
3	Phan Quang Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	005232/HT-CCHN, 266/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	8	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36

Phụ lục 2– Y sĩ đa khoa
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng / Y sĩ đa khoa / Bệnh Truyền nhiễm

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Thân Hùng Cường	Bác sỹ CKI	Đa khoa, truyền nhiễm	000124/HT-CCHN, 360/QĐ-SYT	KCB đa khoa; truyền nhiễm	15	Bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
2	Bùi Thị Minh Hoan	Bác sỹ	Đa khoa, Nội khoa	0003244/HT-CCHN, 1133/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa;	31	Bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
3	Nguyễn Thị Thu Huệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0004466/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
4	Đoàn Thị Nhật Lệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001005/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	17	Bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30

Phụ lục 2 – Y sĩ đa khoa
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa/ Sức khỏe trẻ em

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0000880/HT-CCHN, 1116/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	20	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
2	Nguyễn Hồ Đức	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0002388/HT-CCHN, 1138/QĐ-SYT, 81/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi, chuyên khoa nội	22	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
3	Trần Thị Thanh Nhân	Cử nhân	Điều dưỡng	0003227/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
4	Dương Thị Cảnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003243/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

Phụ lục này có 13 trang, 7 biểu mẫu với tổng số 93 giảng viên dạy thực hành

Tp Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Vũ

Phụ lục 2 – Y sĩ
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Trung cấp/ Y sĩ/ Điều dưỡng cơ sở

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000399/HT-CCHN, 1133/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	19	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
2	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000137/HT-CCHN, 1612/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	32	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
3	Võ Quốc Chung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	004765/HT-CCHN, 77/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
4	Dương Văn Vịnh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0004429/HT-CCHN, 1485/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	11	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
5	Nguyễn Sơn Trà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	000416/HT-CCHN, 78/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	7	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

6	Vũ Đình Trung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	006050/HT-CCHN, 420/QĐ-SYT; 417/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa PT tạo hình thẩm mỹ; Chuyên khoa Ngoại khoa	5	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
7	Cao Văn Tiến	Bác sĩ	Đa khoa	006043/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	5	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
8	Trần Văn Giáp	Bác sĩ	Đa khoa	007535/HT-CCHN	Y khoa	2	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
9	Phan Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001038/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	16	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
10	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	11	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
11	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004424/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
12	Nguyễn Thị Hong Chiêm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001003/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
13	Dương Văn Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	005994/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	6	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
14	Trần Hậu Thiệp	Cử nhân	Điều dưỡng	0003507/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
15	Nguyễn Thị Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004293/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
16	Trần Trung Kiên	Cử nhân	Điều dưỡng	004689/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
17	Trần Thị Quỳnh Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	004955/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

Phụ lục 2 – Y sĩ
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ/ Bệnh học Ngoại khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000399/HT-CCHN, 1133/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	19	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
2	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000137/HT-CCHN, 1612/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	32	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
3	Võ Quốc Chung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	004765/HT-CCHN, 77/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
4	Dương Văn Vịnh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0004429/HT-CCHN, 1485/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	11	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
5	Nguyễn Sơn Trà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	000416/HT-CCHN, 78/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	7	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
6	Vũ Đình Trung	Bác sĩ	Đa khoa,	006050/HT-	Khám chữa bệnh đa	5	Bệnh học	Dạy học	Ngoại	60

		CKI	Ngoại khoa	CCHN, 420/QĐ-SYT; 417/QĐ-SYT	khoa; Chuyên khoa phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ; Chuyên khoa Ngoại khoa		Ngoại khoa	thực hành	Tổng hợp	
7	Cao Văn Tiến	Bác sĩ	Đa khoa	006043/HT- CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	5	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
8	Trần Văn Giáp	Bác sĩ	Đa khoa	007535/HT- CCHN	Y khoa	2	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
9	Phan Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001038/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	16	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
10	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	11	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
11	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004424/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
12	Nguyễn Thị Hồng Chiêm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001003/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
13	Dương Vân Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	005994/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	6	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
14	Trần Hậu Thiệp	Cử nhân	Điều dưỡng	0003507/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
15	Nguyễn Thị Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004293/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
16	Trần Trung Kiên	Cử nhân	Điều dưỡng	004689/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
17	Trần Thị Quỳnh Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	004955/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

Phụ lục 2 – Y sĩ
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Trung cấp/ Y sĩ/ Bệnh học Nội khoa

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Viết Cường	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0000028/HT-CCHN, 1145/QĐ-SYT, 265/QĐ-SYT	KCB Đa khoa, Hồi sức cấp cứu	25	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
2	Lưu Văn Thìn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0001017/HT-CCHN, 264/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi; đa khoa; chuyên khoa hồi sức cấp cứu	23	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
3	Trần Văn Sử	Bác sỹ	Đa khoa	006483/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	4	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
4	Phạm Thanh Hội	Cử nhân	Điều dưỡng	0002191/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	18	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
5	Nguyễn Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0000878/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	20	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & CĐ	15

6	Trần Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004423/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
7	Trần Thị Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	0004430/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
8	Trần Thị Hoài	Cử nhân	Điều dưỡng	0004464/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	8	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
9	Nguyễn Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	020254/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
10	Trần Thị Ngọc Hân	Cử nhân	Điều dưỡng	000530/HT-GPHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Bệnh học Nội khoa	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15

Phụ lục 2 – Y sĩ
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Trung cấp/ Y sĩ/ Sức khỏe trẻ em

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0000880/HT-CCHN, 1116/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	20	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
2	Nguyễn Hồ Đức	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0002388/HT-CCHN, 1138/QĐ-SYT, 81/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi, chuyên khoa nội	22	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
3	Nguyễn Công Hiếu	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0003232/HT-CCHN; 1110/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	10	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
4	Nguyễn Thị Bình	Bác sĩ	Đa khoa	006048/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa;	5	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
5	Phan Thị An	Cử nhân	Điều dưỡng	0003234/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
6	Trần Thị Thanh Nhân	Cử nhân	Điều dưỡng	0003227/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
7	Dương Thị Cảnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003243/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

8	Trần Thị An	Cử nhân	Điều dưỡng	0000885/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
9	Trần Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	004538/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
10	Trương Thị Nhật	Cử nhân	Điều dưỡng	004962/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
11	Phạm Thị Mơ	Cử nhân	Điều dưỡng	004995/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Sức khỏe trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

Phụ lục 2 – Y sĩ
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIUỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Trung cấp/ Y sĩ/ Sức khỏe sinh sản

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tô Hoa	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0001042/HT-CCHN, 1115/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	31	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKII	Đa khoa, Sản khoa	0001026/HT-CCHN, 1122/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	17	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
3	Trịnh Lê Vương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0003246/HT-CCHN, 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	11	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sĩ	Đa khoa, Sản khoa	0003247/HT-CCHN; 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	27	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
5	Phan Quang Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	005232/HT-CCHN, 266/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	8	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
6	Nguyễn Ngọc Sơn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	006085/HT-CCHN; 478/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	5	Sức khỏe sinh sản	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36

Phụ lục 2 – Y sĩ
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Trung cấp/ Y sĩ/ Bệnh học truyền nhiễm

T T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Thân Hùng Cường	Bác sỹ CKI	Đa khoa, truyền nhiễm	000124/HT- CCHN, 360/QĐ-SYT	KCB đa khoa; truyền nhiễm	15	Bệnh học truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
2	Bùi Thị Minh Hoan	Bác sỹ	Đa khoa, Nội khoa	0003244/HT- CCHN, 1133/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa;	31	Bệnh học truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
3	Phan Thị Đào	Bác sỹ	Đa khoa	0001996/GL- CCHN	KCB đa khoa	9	Bệnh học truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
4	Nguyễn Thị Thu Huệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0004466/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	Bệnh học truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
5	Đoàn Thị Nhật Lệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001005/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	17	Bệnh học truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
6	Nguyễn Thị Hong	Cử nhân	Điều dưỡng	0003226/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	Bệnh học truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30

Phụ lục này có 10 trang, 6 biểu mẫu với tổng số 67 giảng viên dạy thực hành

Tp Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Vũ

Phụ lục 2 – Đại học Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II

T T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000399/HT- CCHN, 1133/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	19	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
2	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000137/HT- CCHN, 1612/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	32	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
3	Võ Quốc Chung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	004765/HT- CCHN, 77/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
4	Dương Văn Vĩnh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0004429/HT- CCHN, 1485/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	11	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
5	Nguyễn Sơn Trà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	000416/HT- CCHN, 78/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	7	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

6	Vũ Đình Trung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	006050/HT- CCHN, 420/QĐ- SYT; 417/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ; Chuyên khoa Ngoại khoa	5	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
7	Cao Văn Tiến	Bác sĩ	Đa khoa	006043/HT- CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	5	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
8	Phan Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001038/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	16	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
9	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	11	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
10	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004424/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
11	Nguyễn Thị Hồng Chiêm	Cử nhân	Điều dưỡng	0001003/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
12	Dương Văn Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	005994/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	6	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
13	Trần Hậu Thiệp	Cử nhân	Điều dưỡng	0003507/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
14	Nguyễn Thị Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004293/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
15	Trần Trung Kiên	Cử nhân	Điều dưỡng	004689/HT- CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

16	Trần Thị Quỳnh Nga	Cử nhân	Điều dưỡng	004955/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I, II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
----	--------------------	---------	------------	----------------	----------------------------------	---	--------------------------------------	-------------------	----------------	----

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Đại học/ Điều dưỡng/ Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Viết Cường	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0000028/HT-CCHN, 1145/QĐ-SYT, 265/QĐ-SYT	KCB Đa khoa, Hồi sức cấp cứu	25	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
2	Lưu Văn Thìn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0001017/HT-CCHN, 264/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi; đa khoa; chuyên khoa hồi sức cấp cứu	23	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
3	Trần Văn Sử	Bác sỹ	Đa khoa	006483/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	4	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
4	Phạm Thanh Hội	Cử nhân	Điều dưỡng	0002191/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	18	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
5	Nguyễn Thị Hải Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0000878/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	20	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
6	Trần Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004423/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15

7	Trần Thị Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	0004430/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
8	Trần Thị Hoài	Cử nhân	Điều dưỡng	0004464/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	8	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
9	Nguyễn Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	020254/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
10	Trần Thị Ngọc Hân	Cử nhân	Điều dưỡng	000530/HT-GPHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15

Phụ lục 2 – Đại học Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tô Hoa	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0001042/HT-CCHN, 1115/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	31	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKII	Đa khoa, Sản khoa	0001026/HT-CCHN, 1122/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	17	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
3	Trịnh Lê Vương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0003246/HT-CCHN, 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sĩ	Đa khoa, Sản khoa	0003247/HT-CCHN; 1131/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	27	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
5	Phan Quang Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	005232/HT-CCHN, 266/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	8	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
6	Nguyễn Ngọc Sơn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	006085/HT-CCHN; 478/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK trẻ em

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0000880/HT-CCHN, 1116/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	20	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
2	Nguyễn Hồ Đức	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0002388/HT-CCHN, 1138/QĐ-SYT, 81/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi, chuyên khoa nội	22	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
3	Nguyễn Công Hiếu	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0003232/HT-CCHN; 1110/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	10	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
4	Nguyễn Thị Bình	Bác sỹ	Đa khoa	006048/HT-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa;	5	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
5	Phan Thị An	Cử nhân	Điều dưỡng	0003234/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
6	Trần Thị Thanh Nhân	Cử nhân	Điều dưỡng	0003227/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
7	Dương Thị Cảnh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003243/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

8	Trần Thị An	Cử nhân	Điều dưỡng	0000885/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
9	Trần Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	004538/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
10	Trương Thị Nhật	Cử nhân	Điều dưỡng	004962/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
11	Phạm Thị Mơ	Cử nhân	Điều dưỡng	004995/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK trẻ em	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người bệnh Truyền nhiễm

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Thân Hùng Cường	Bác sỹ CKI	Đa khoa, truyền nhiễm	000124/HT-CCHN, 360/QĐ-SYT	KCB đa khoa; truyền nhiễm	15	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
2	Bùi Thị Minh Hoan	Bác sỹ	Đa khoa, Nội khoa	0003244/HT-CCHN, 1133/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa;	31	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
3	Phan Thị Đào	Bác sỹ	Đa khoa	0001996/GL-CCHN	KCB đa khoa	9	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
4	Nguyễn Thị Thu Huệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0004466/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
5	Đoàn Thị Nhật Lệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001005/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	17	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
6	Nguyễn Thị Hồng	Cử nhân	Điều dưỡng	0003226/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30

Phụ lục 2 –Đại học Điều dưỡng
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Đại học/ Điều dưỡng/ CSSK người bệnh chuyên khoa

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Bùi Thị Hải Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	0000997/HT-CCHN, 1614/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng	17	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
2	Lê Văn Hà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	0003233/HT-CCHN, 1119/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng	10	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
3	Võ Thị Hương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	0001014/HT-CCHN, 1140/QĐ-SYT, 263/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	13	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
4	Nguyễn Thị Thu	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	006065/HT-CCHN, 369/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	5	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
5	Nguyễn Văn Đạo	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	006631/HT-CCHN, 364/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
6	Hồ Xuân Khánh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	006881/HT-CCHN, 20/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	3	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37

7	Ngô Tuấn Anh	Bác sỹ CKI RHM	CK RHM	0000876/HT-CCHN	KCB CK Răng hàm mặt	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
8	Lê Văn Dũng	Bác sỹ CKI RHM	Đa khoa, CK Răng hàm mặt	0004179/HT- CCHN, 552/QĐ- SYT	KCB CK Răng hàm mặt, đa khoa	10	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
9	Phạm Phú Hà	Bác sỹ CKI RHM	Đa khoa, CK Răng hàm mặt	005912/HT-CCHN, 1302/QĐ-SYT	KCB CK Răng hàm mặt, đa khoa	6	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
10	Trần Thị Khánh Liên	Bác sỹ RHM	CK Răng hàm mặt	006038/HT-CCHN	KCB CK Răng hàm mặt	5	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
11	Lê Thị Diệu Thúy	Bác sỹ RHM	CK Răng hàm mặt	006039/HT-CCHN	KCB CK Răng hàm mặt	5	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
12	Lê Thị Ngọc	Bác sỹ RHM	CK Răng hàm mặt	006444/HT-CCHN	KCB CK Răng hàm mặt	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
13	Trần Thị Thùy Vinh	Bác sỹ RHM	CK RHM	005233/HT-CCHN	KBCB chuyên khoa RHM	8	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
14	Trần Thị Thắm	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Mắt	0004428/HT- CCHN, 1120/QĐ- SYT	KCB CK Mắt, KCB đa khoa	10	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
15	Phạm Xuân Nam	Bác sỹ	Đa khoa	006381/HT-CCHN	KCB đa khoa	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
16	Nguyễn Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0000874/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
17	Phan Thị Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	0000953/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
18	Phan Thị Thắm	Cử nhân	Điều dưỡng	0000897/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
19	Bùi Thị Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	0001002/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M- TMH	37
20	Nguyễn Thị	Cử nhân	Điều	0004492/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ	4	CSSK NB	Dạy học	RHM-M-	37

	Huyền Trang		dưỡng		điều dưỡng ĐH		chuyên khoa	thực hành	TMH	
21	Trần Thị Thanh Hoài	Cử nhân	Điều dưỡng	0000896/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
22	Trần Thị Ánh	Cử nhân	Điều dưỡng	004602/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
23	Trần Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	000031/HT-GPHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
24	Phan Thị Phụng	Cử nhân	Điều dưỡng	000225/HT-GPHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	9	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
25	Nguyễn Thị Diệu Linh	Cử nhân	Điều dưỡng	0000889/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	12	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37
26	Trần Thị Thu Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	006565/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng ĐH	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	RHM-M-TMH	37

Phụ lục này có 13 trang, 6 biểu mẫu với tổng số 75 giảng viên dạy thực hành

Tp Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Vũ

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Đại học/Dược/ Dược lâm sàng**

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000399/HT-CCHN, 1133/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	19	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
2	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0000137/HT-CCHN, 1612/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	32	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
3	Võ Quốc Chung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	004765/HT-CCHN, 77/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	16	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
4	Dương Văn Vịnh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	0004429/HT-CCHN, 1485/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, đa khoa	11	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
5	Nguyễn Sơn Trà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	000416/HT-CCHN, 78/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	7	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60

6	Vũ Đình Trung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Ngoại khoa	006050/HT-CCHN, 420/QĐ-SYT; 417/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ; Chuyên khoa Ngoại khoa	5	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	60
7	Nguyễn Tiến Vũ	Thạc sĩ, Bác sỹ đa khoa	Đa khoa, Nội khoa	0001023/HT- CCHN, 1135/QĐ- SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	23	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội tổng hợp	91
8	Dương Chí Lực	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000313/HT- CCHN, 1613/QĐ- SYT, 477/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	16	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
9	Hồ Văn Khiêm	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000956/HT- CCHN, 1128/QĐ- SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	28	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
10	Nguyễn Thị Dung	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004843/HT-CCHN, 76/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	9	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
11	Phạm Thị Hồng Thuần	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	004754/HT-CCHN, 75/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	19	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
12	Nguyễn Thị Cầm Tú	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	0000954/HT- CCHN, 1740/QĐ- SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	17	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
13	Nguyễn Hải Đặng	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội tim mạch	005247/HT-CCHN, 359/QĐ-SYT	KCB Nội tim mạch, đa khoa	8	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
14	Trịnh Thị Huyền	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	005244/HT-CCHN, 416/QĐ-SYT	KCB Nội khoa, đa khoa	7	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
15	Phạm Thị Hà Trang	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	005670/HT-CCHN	KCB đa khoa	6	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91

16	Thái Thị Phương Mai	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nội khoa	006066/HT-CCHN	KCB đa khoa;	5	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	91
17	Nguyễn Việt Cường	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0000028/HT- CCHN, 1145/QĐ- SYT, 265/QĐ-SYT	KCB Đa khoa, Hồi sức cấp cứu	25	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
18	Lưu Văn Thìn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Hồi sức tích cực	0001017/HT- CCHN, 264/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi; đa khoa; chuyên khoa hồi sức cấp cứu	23	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Cấp cứu – HSTC & Chống độc	15
19	Nguyễn Thị Tố Hoa	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0001042/HT- CCHN, 1115/QĐ- SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	31	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
20	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKII	Đa khoa, Sản khoa	0001026/HT- CCHN, 1122/QĐ- SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	17	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
21	Trịnh Lê Vương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	0003246/HT- CCHN, 1131/QĐ- SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	11	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
22	Phan Quang Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	005232/HT-CCHN, 266/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	8	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
23	Nguyễn Ngọc Sơn	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Sản khoa	006085/HT-CCHN; 478/QĐ-SYT	KCB đa khoa, sản phụ khoa	5	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa CSSKSS & Phụ sản	36
24	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0000880/HT- CCHN, 1116/QĐ- SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	20	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74

25	Nguyễn Hồ Đức	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0002388/HT- CCHN, 1138/QĐ- SYT, 81/QĐ-SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi, chuyên khoa nội	22	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
26	Nguyễn Công Hiếu	Bác sĩ CKI	Đa khoa, Nhi khoa	0003232/HT- CCHN; 1110/QĐ- SYT	KCB đa khoa, chuyên khoa Nhi	10	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	74
27	Thân Hùng Cường	Bác sĩ CKI	Đa khoa, truyền nhiễm	000124/HT-CCHN, 360/QĐ-SYT	KCB đa khoa; truyền nhiễm	15	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Khoa truyền nhiễm	30
28	Bùi Thị Hải Anh	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	0000997/HT- CCHN, 1614/QĐ- SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng	17	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
29	Lê Văn Hà	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	0003233/HT- CCHN, 1119/QĐ- SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng	10	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
30	Võ Thị Hương	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	0001014/HT- CCHN, 1140/QĐ- SYT, 263/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	13	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
31	Nguyễn Thị Thu	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK TMH	006065/HT-CCHN, 369/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	5	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	RHM– Mắt– TMH	37
32	Nguyễn Văn Đạo	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Tai mũi họng	006631/HT-CCHN, 364/QĐ-SYT	KCB đa khoa, CK Tai mũi họng, CK nhi	4	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
33	Ngô Tuấn Anh	Bác sĩ CKI	CK RHM	0000876/HT- CCHN	KCB CK Răng hàm mặt	12	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt –	37

		RHM							Tai mũi họng	
34	Lê Văn Dũng	Bác sỹ CKI RHM	Đa khoa, CK Răng hàm mặt	0004179/HT- CCHN, 552/QĐ- SYT	KCB CK Răng hàm mặt, đa khoa	10	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
35	Phạm Phú Hà	Bác sỹ CKI RHM	Đa khoa, CK Răng hàm mặt	005912/HT-CCHN, 1302/QĐ-SYT	KCB CK Răng hàm mặt, đa khoa	6	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37
36	Trần Thị Thắm	Bác sĩ CKI	Đa khoa, CK Mắt	0004428/HT- CCHN, 1120/QĐ- SYT	KCB CK Mắt, KCB đa khoa	10	Dược lâm sàng	Dạy học thực hành	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	37

(Phụ lục này có 5 trang, 01 biểu mẫu, 36 cán bộ giảng dạy thực hành)

TP Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Vũ

Phụ lục 3
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ TRIỂN KHAI DỊCH VỤ KỸ THUẬT
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ

1. Khoa Nội

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Hệ thống máy nội soi tiêu hóa	2	
2	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
3	Máy điện tim 6 kênh	3	
4	Máy đo chức năng hô hấp	1	
5	Máy đo Lx bằng siêu âm	1	
6	Máy siêu âm màu 4D	1	
7	Máy ghi sóng điện não	1	
8	Bơm tiêm điện	1	
9	Máy truyền dịch	1	
10	Máy khí dung	2	

2. Khoa Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng

TT		TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	PK TMH	Đèn Clar	1	
2		Lò sấy dụng cụ	1	
3		Hệ thống máy nội soi TMH	2	
4		Máy phẫu thuật TMH Hammer	1	
5	PK Mắt	Đèn soi đáy mắt	2	
6		máy sinh hiển vi khám mắt	1	
7		Kính hiển vi phẫu thuật mắt	2	
8		Máy laser quang đông	1	
9		Máy phẫu thuật mắt Phaco	1	
10		Máy đo khúc xạ tự động và độ cong giác mạc	1	
11	PK RHM	Ghê nha khoa	5	
12		Máy laser tẩy trắng răng	1	
13		Máy lấy cao răng siêu âm	2	

3. Khoa ngoại

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bàn kéo nắn chỉnh hình	1	
2	Bơm tiêm điện	1	
3	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
4	Lò sấy dụng cụ	1	
5	Máy điện tim 6 kênh	1	

4. Khoa Nhi

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bơm tiêm điện	5	
2	Máy khí dung thường	10	
4	Máy đo chức năng hô hấp	1	
5	Máy truyền dịch	1	
6	Đèn chiếu điều trị vàng da	1	
7	Lông ấp trẻ sơ sinh	1	

5. Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản & Phụ sản

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bơm tiêm điện	1	
2	Máy soi cổ tử cung	1	
3	máy áp lạnh cổ tử cung	1	
4	Hệ thống rửa tay vô khuẩn	1	
5	Kính hiển vi quang học 2 mắt	1	
6	Máy truyền dịch	1	
7	Monitor sản khoa	3	
8	Máy điện tim 6 kênh	1	

6. Khoa HSCC

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy thở	4	
2	Máy truyền dịch	3	
3	Monitor	5	
4	Bơm tiêm điện	5	

7. Khoa PHCN - Đông Y

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy kéo dẫn cột sống cổ và lưng	1	
2	Máy siêu âm điều trị	2	
3	Máy Laser điều trị	1	
4	Máy điện xung điều trị	1	
5	Máy trị liệu sóng ngắn	1	
6	Nồi sắc thuốc 24 ấm	1	
7	máy nén ép trị liệu	2	
8	Nồi nấu Parafin	1	
9	Máy điện châm	20	

8. Khoa Chẩn đoán hình ảnh

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy X-quang thường quy	3	
2	hệ thống xử lý phim XQ KTS	2	
3	Máy Xquang cận chóp	1	
4	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính	1	
5	Máy siêu âm	4	
6	Máy chụp XQ răng toàn cảnh	1	
7	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5T	1	

9. Khoa xét nghiệm

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy khí máu	2	
2	Máy ly tâm đa năng	1	
3	Máy XN sinh hóa tự động	2	
4	Máy xét nghiệm đông máu	1	
5	Máy xét nghiệm miễn dịch	1	
6	Máy xét nghiệm huyết học	3	
7	Máy xét nghiệm máu lắng tự động	1	
8	máy xét nghiệm SH nước tiểu	3	
9	Tủ an toàn sinh học cấp II	2	
10	Hệ thống xét nghiệm PCR	1	

10. Phẫu thuật – Gây mê hồi sức

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bàn mổ đa năng	2	
2	Monitor theo dõi bệnh nhân	3	
3	Dao mổ điện cao tần	2	
4	Đèn mổ di động	1	
5	Đèn mổ treo trần	2	
6	Hệ thống khí sạch áp lực dương	1	
7	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng và TMH	2	
8	Máy gây mê giúp thở	2	
9	Hệ thống rửa tay vô khuẩn	2	
10	Máy laser tán sỏi	1	
11	máy phun khử trùng di động	1	
12	Bàn kéo nắn chỉnh hình	1	
13	Bơm tiêm điện	1	
14	Lò sấy dụng cụ	1	

11. Khoa khám bệnh yêu cầu

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Hệ thống máy nội soi TMH	1	
2	Máy phát hiện vi khuẩn HP	1	
3	Máy siêu âm màu 4D	1	

12. Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Tủ sấy	1	
2	Tủ sấy	1	
3	Nồi hấp tiệt trùng	2	

TP Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Vũ